

Số: 1180/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt biện pháp tưới, tiêu, cấp nước thực hiện hỗ trợ kinh phí
sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2024 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Giá ngày 20/06/2012;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi 19/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/06/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 23/7/2021 của Chính phủ quy định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 191/TTr-STC ngày 06/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt biện pháp tưới, tiêu, cấp nước thực hiện hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 tỉnh Vĩnh Long cụ thể như sau:

Diện tích được miễn: 282.222,96 ha

- Tưới tiêu bằng lợi dụng thủy triều:

254.647,11 ha

- + *Lúa:* 138.947,12 ha,
- + *Màu, cây công nghiệp ngắn ngày:* 61.460,28 ha,
- + *Cây ăn quả:* 51.761,65 ha,
- + *Thủy sản:* 2.478,06 ha.
- *Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ:* 27.575,85 ha
- + *Lúa:* 15.618,00 ha,
- + *Màu, cây công nghiệp ngắn ngày:* 2.516,35 ha,
- + *Cây ăn quả:* 9.441,50 ha.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đúng qui định.

Điều 3. Các ông (Bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng KTNV;
- Lưu: VT, 251.KTNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH